

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

BÀI 2 (III+IV): KINH TẾ CHÍNH TRỊ VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TBCN VÀ
VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH
LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
01	Lê Đức Anh	01	49	6,5	Sáu rưỡi	
02	Đàm Thị Bình	02	68	7,5	Bảy rưỡi	
03	Nguyễn Thị Bình	03	72	7,0	Bảy	
04	Tô Thị Chúc	04	24	8,0	Tám	
05	Đoàn Thị Chuyên	05	01	7,5	Bảy rưỡi	
06	Nguyễn Văn Dung	06	62	7,0	Bảy	
07	Đào Ngọc Dũng	07	64	7,5	Bảy rưỡi	
08	Nguyễn Tiến Dũng	08	03	7,0	Bảy	
09	Trần Chung Dũng	09	30	7,5	Bảy rưỡi	
10	Trần Văn Dũng	10	27	8,0	Tám	
11	Dương Đình Đại	11	36	6,5	Sáu rưỡi	
12	Nguyễn Thế Đạt	12	61	7,5	Bảy rưỡi	
13	Đặng Thị Diệp	13	25	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Minh Hải	14	51	7,5	Bảy rưỡi	
15	Trung Quang Hải	15	63	7,5	Bảy rưỡi	
16	Trần Thị Thu Hằng	16	78	6,5	Sáu rưỡi	
17	Nguyễn Thị Hạnh	17	66	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nông Phương Hiền	18	73	7,5	Bảy rưỡi	
19	Lô Thị Lệ Hoài	19	74	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Quang Hối	20	71	7,0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Huệ	21	43	8,0	Tám	
22	Lương Thị Huệ	22	13	8,0	Tám	
23	Trịnh Thị Hồng Huệ	23	08	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Liễu Thị Hương	24	55	7,0	Bảy	
25	Hoàng Thị Hường	25	02	7,0	Bảy	
26	Phạm Thị Hường	26	29	8,0	Tám	
27	Ngô Thị Huyền	27	37	7,0	Bảy	
28	Nguyễn Thị Huyền	28	06	7,0	Bảy	
29	Nông Thị Thanh Huyền	29	31	8,0	Tám	
30	Trương Thanh Huyền	30	10	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Văn Lam	31	34	7,0	Bảy	
32	Nguyễn Thị Lâm	32	56	7,5	Bảy rưỡi	
33	Phạm Thị Lan	33	26	7,5	Bảy rưỡi	
34	Trần Thị Lan	34	22	7,0	Bảy	
35	Vương Thị Hương Lan	35	17	7,5	Bảy rưỡi	
36	Lê Thị Thùy Linh	36	58	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Thanh Loan	37	79	7,0	Bảy	
38	Nguyễn Thị Phương Loan	38	57	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Loan	39	23	7,5	Bảy rưỡi	
40	Trần Thị Tổ Loan	40	52	7,5	Bảy rưỡi	
41	Lý Văn Lượng	41	59	6,0	Sáu	
42	Bùi Thị Tuyết Mai	42	70	7,0	Bảy	
43	Đặng Thị Mai	43	48	7,5	Bảy rưỡi	
44	Hoàng Thị Bích Mai	44	77	7,0	Bảy	
45	Dương Thị Mên	45	11	7,5	Bảy rưỡi	
46	Triệu Hoài Nam	46	42	7,5	Bảy rưỡi	
47	Trần Thị Việt Nga	47	50	7,5	Bảy rưỡi	
48	Hoàng Thị Kiều Nga	48	67	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Thị Ngân	49	15	7,0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Ngoan	50	14	8,0	Tám	
51	Nhữ Như Nhung	51	46	7,5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	52	65	7,5	Bảy rưỡi	
53	Trần Bình Ngọc	53	69	7,5	Bảy rưỡi	
54	Đặng Thị Kim Oanh	54	54	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Lường Thị Kim Oanh	55	07	7,0	Bảy	
56	Phạm Giang Sơn	56	76	7,5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Thị Minh Thanh	57	47	7,0	Bảy	
58	Đặng Phương Thảo	58	16	7,5	Bảy rưỡi	
59	Chu Văn Thế	59	41	7,0	Bảy	
60	Vi Thị Thêm	60	21	7,5	Bảy rưỡi	
61	Trần Văn Thủy	61	32	7,0	Bảy	
62	Nguyễn Duy Tiến	62	19	7,5	Bảy rưỡi	
63	Nông Thị Trang	63	04	7,0	Bảy	
64	Hồ Thị Huyền Trang	64	44	8,0	Tám	
65	Nguyễn Huyền Trang	65	75	7,0	Bảy	
66	Nguyễn Thùy Trang	66	09	7,5	Bảy rưỡi	
67	Phạm Thị Kiều Trang	67	20	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Trần Trung	68	38	7,0	Bảy	
69	Lê Quốc Trường	69	33	7,5	Bảy rưỡi	
70	Dương Văn Tùng	70	60	7,0	Bảy	
71	Nguyễn Khánh Tùng	71	40	6,5	Sáu rưỡi	
72	Trần Thị Tuyên	72	18	7,0	Bảy	
73	Vũ Thị Kim Tuyên	73	35	7,5	Bảy rưỡi	
74	Vũ Thị Như Tuyết	74	53	7,5	Bảy rưỡi	
75	Hoàng Thị Tư	75	39	7,0	Bảy	
76	Lê Thị Uyên	76	05	8,0	Tám	
77	Chu Thị Anh Vân	77	45	7,5	Bảy rưỡi	
78	Trần Thế Vinh	78	12	8,0	Tám	
79	Phạm Hải Yến	79	28	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên